UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 9 /TB-THCSNGT

Long Biên, ngày 09 tháng 01 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc công bố công khai TH Dự toán năm 2023 của Trường THCS Ngô Gia Tự

Căn cứ thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 về việc hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách và các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ vào thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/09/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ.

Căn cứ vào Quyết định số: /QĐ-THCS ngày 09 tháng 01 năm 2023 của Trường THCS Ngô Gia Tự về việc công bố công khai TH Dự toán năm 2023 của Trường THCS Ngô Gia Tự

Trường THCS Ngô Gia Tự thực hiện công khai cụ thể như sau:

1.Nội dung: Công khai Tài chính TH Dự toán năm 2023 của Trường THCS Ngô Gia Tự

2.Thời gian niêm yết: 90 ngày, Từ ngày 09/01/2024 đến hết ngày 09/04/2024.

3.Địa điểm niêm yết: Bảng tin và Cổng TTĐT của Trường THCS Ngô Gia Tự

4. Bộ phận niêm yết: Hiệu trưởng, Chủ tịch Công đoàn, Kế toán, Thanh tra nhân dân, Thủ quỹ công khai tới toàn thể CBGVNV nhà trường.

5. Thời gian nhận ý kiến phản hồi: Từ ngày 09/01/2024 đến hết ngày 09/04/2024.

6. Địa chỉ nhận ý kiến phản hồi: Trực tiếp cho bộ phận thực hiện công khai hoặc qua hòm thư của nhà trường.

7. Thời gian trả lời, giải quyết ý kiến thắc mắc: chậm nhất sau 5 ngày làm việc.

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ GIA TỰ

Nguyễn Mậu Minh

Được quét bằng CamScanner

UBND QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 10 /QĐ-THCSNGT

Đức Giang, ngày 9 tháng 1 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai Thực hiện Dự toán năm 2023 của Trường THCS Ngô Gia Tự

Căn cứ Nghị định số 163/2016 NĐ – CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 hướng dẫn về công khai về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, được tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ. Thông tư 90/2018/TT-BTC điều chỉnh bổ sung một số điều tại TT 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ vào Quyết định số 9899/QĐ - UBND ngày 26/12/2022 của UBND quận Long Biên việc giao chỉ tiêu Kế hoạch kinh tế - xã hội và dự toán thu chi ngân sách năm 2023 của quận Long Biên;

Căn cứ vào Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2023 của đơn vị;

Căn cứ vào Dự toán năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai số liệu thực hiện Dự toán thu, chi nguồn ngân sách, nguồn khác năm 2023 của Trường THCS Ngô Gia Tự (kèm theo mẫu biểu 03 Thông tư 90/2018/TT- BTC ngày 28/09/2018).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Phòng Tài chính kế toán thực hiện Quyết định này./.

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN LONG BIÊN TP HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ GIA TỰ

Nguyễn Mậu Minh

Được quét bằng CamScanner

Biểu số 3 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90 ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường THCS Ngô Gia Tự
Chương: 622

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày 03 tháng 04 năm 2024

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH
Năm 2023

(Dùng cho đơn vị dự toán cấp trên và đơn vị dự toán sử dụng ngân sách nhà nước)

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
A	**Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí**				
I	**Số thu phí, lệ phí**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
II	**Chi từ nguồn thu phí được để lại**				
1	**Chi sự nghiệp**				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	**Chi quản lý hành chính**				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	**Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước**				
1	**Lệ phí**				
2	**Phí**				
B	**Dự toán chi ngân sách nhà nước**		5.127		
I	**Nguồn ngân sách trong nước**		5.127		
1	**Chi quản lý hành chính**				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				

Được quét bằng CamScanner

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**		**5.127**		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		4.327		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		800		
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	**Nguồn vốn viện trợ**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				
3	**Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề**				
4	**Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình**				
5	**Chi bảo đảm xã hội**				
6	**Chi hoạt động kinh tế**				
7	**Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường**				
8	**Chi sự nghiệp văn hóa thông tin**				
9	**Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn**				
10	**Chi sự nghiệp thể dục thể thao**				
III	**Nguồn vay nợ nước ngoài**				
1	**Chi quản lý hành chính**				
2	**Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ**				

Được quét bằng CamScanner

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) này so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi bảo đảm xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Ngày 09 tháng 01 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)

ỦY BAN NHÂN DÂN Q. LONG BIÊN - TP. HÀ NỘI
TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ GIA TỰ

Nguyễn Mậu Minh

MISA Mimosa Online

Được quét bằng CamScanner

ƯỜNG THCS NGÔ GIA TỰ

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU CHI VÀ THUYẾT MINH THU HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC

Năm 2023

	Nguồn thu	Số dư kỳ trước chuyển sang	Số thực hiện thu	Số đã thực hiện chi	Tồn quỹ cuối kỳ
1	Học phí	533.356.959	1.945.509.000	1.449.392.578	1.029.473.381
2	Học Mô hình 2 buổi/ngày	51.414.703	421.725.000	456.960.947	16.178.756
3	Học thêm	226.530.060	1.673.680.000	1.819.594.043	80.616.017
4	Học Tiếng Anh Bình Minh	24.358.572	63.900.000	73.688.440	14.570.132
5	Học Tiếng Anh Language Link	20.819.311	37.286.300	50.019.800	8.085.811
6	Học Tiếng Hàn	22.091.000	48.279.000	56.260.700	14.109.300
7	Học Toán TA Ismart	9.441.600	23.525.000	19.324.000	13.642.600
8	Học Kỹ năng sống	52.920.000	111.757.500	157.168.200	7.509.300
9	Chăm sóc bán trú	18.750.000	140.685.000	159.435.000	0
10	Cơ sở vật chất bán trú	13.800.000	0	13.800.000	0
11	Nước uống học sinh	17.592.000	29.111.460	46.703.460	0
12	Tiền điện sử dụng điều hòa	4.362.909	30.112.800	31.889.592	2.586.117
13	Sổ liên lạc điện tử	0	123.830.000	123.830.000	0
14	Quỹ Đội	4.214.265	17.505.000	16.676.000	5.043.265

Kế toán

Nguyễn Ngọc Loan

Hiệu trưởng

TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ NGÔ GIA TỰ

Nguyễn Mậu Minh

Được quét bằng CamScanner